

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **74/2020/HS-PT**
Ngày 11-5-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyển**

Các Thẩm phán: Bà **Dương Thị Hồng Minh**

Ông **Nguyễn Anh Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thiên Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên

Ngày 11/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2020/TLPT-HS ngày 17/3/2020 đối với bị cáo Phạm Văn D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Văn D**, Sinh ngày 02 tháng 11 năm 1990 tại T; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Xóm 2, thôn K, xã P, huyện P, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông : Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị L (*Đều còn sống*); Có vợ Nguyễn Thị Anh T và có 02 con (lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2018);

Tiền án: Ngày 29/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T xử phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; Tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 25/10/2019. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 21/10/2019, Phạm Văn D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 65E1-125.67 đi trên đường Điện Biên Phủ theo hướng từ đường Hà Huy Tập về đường Lý Thái Tổ. Khi đi đến trước số nhà 91 đường Điện Biên Phủ, phường C,

quận T, thành phố Đà Nẵng, D phát hiện anh Cao Văn T đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 43K1-5638 chở chị Trần Thị Kim N ngồi sau đi cùng chiều phía trước. Lúc này, D nhìn thấy chị N có để 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng trong túi quần phía sau bên trái nên D điều khiển xe mô tô áp sát bên phải xe mô tô của anh T rồi dùng tay giật chiếc điện thoại của chị N và tăng ga nhanh chóng tẩu thoát về hướng đường Nguyễn Tri Phương, thành phố Đ. Tài sản chiếm đoạt được D đem về sử dụng cá nhân, sau đó bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, thành phố Đà Nẵng thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 246 ngày 30/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận T, thành phố Đà Nẵng xác định: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng, có giá trị 6.800.000đ (*Sáu triệu, tám trăm ngàn đồng*).

Với nội dung trên tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn D phạm tội “Cướp giật tài sản”

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171, điểm h khoản 1 Điều 52 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn D 04 (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 25/10/2019.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo bản án.

Ngày 20/02/2020, bị cáo Phạm Văn D có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Văn D giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Văn D theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo, nên đảm bảo, hợp lệ.

Về nội dung: Xét Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo Phạm Văn D về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, qua đó xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù là phù hợp, không nặng. Mặc dù tại cấp phúc thẩm gia đình bị cáo có bổ sung đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn và văn bản trả lời đơn đề nghị xác nhận của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh T về việc chậm nộp 200.000đ tiền án phí HSST của Bản án số 34/2017/HSST ngày 29/9//2017 do Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T xét xử đối với bị cáo, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Tuy nhiên, xét lần phạm tội này của bị cáo là rất nghiêm trọng so với lần phạm tội trước, nên đối với bị cáo cần được xử

lý nghiêm khắc mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Văn D khai nhận: Lúc 21 giờ 30 phút ngày 21/10/2019 tại địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị cáo là người sử dụng phương tiện xe máy BKS số 65E1- 125.67 thực hiện hành cướp giật của người bị hại (Chị N) 01(một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone6S theo định giá là: 6.800.000đ (*Sáu triệu, tám trăm ngàn đồng*) với mục đích sử dụng cho các nhân, thì sau đó bị phát hiện bắt giữ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “ Cướp giật tài sản” là đúng người, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mức hình phạt tù mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là quá nặng, nên bị cáo xin HĐXX xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy: Với thủ đoạn dùng phương tiện xe máy để thực hiện hành vi cướp giật của chị N 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6S Plus, màu vàng trong túi quần phía sau bên trái khi chị đang ngồi phía sau phương tiện xe máy do anh T điều khiển đang lưu thông trên đường rồi nhanh chóng gờ ra tẩu thoát, tài sản bị cáo chiếm đoạt được có giá trị 6.800.000đ (*Sáu triệu, tám trăm ngàn đồng*), với mục đích sử dụng cho cá nhân, hành vi trên của bị cáo là đủ các yếu tố cấu thành tội “ Cướp giật tài sản” mà BLHS quy định. Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HS-ST ngày 13/02/2020 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.1] Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, mặc dù tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn và đã được thu hồi trả lại cho bị hại và người bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, song do tính chất vụ án là rất nghiêm trọng và bản thân bị cáo là người đã có tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo là thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, Tòa án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là cần thiết.

[2.2] Mặc dù, sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo có đơn xin xác nhận hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, vợ không có việc làm, 02 con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, đồng thời nêu lý do bị cáo chậm nộp số tiền án phí HSST của Bản án số 34/2017/HSST do Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T xét xử bị cáo vào ngày 29/9/2017 là do bị cáo không biết nộp cho ai và ở cơ quan nào? Trong khi đó, ngày 15/11/2019 gia đình bị cáo mới nhận được giấy báo của Chi cục thi hành án dân

sự huyện P, tỉnh T đến trụ sở Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế nộp 200.000đ án phí HSST theo Bản án số 34/2017/HSST vào ngày 18/11/2019 và gia đình bị cáo đã thực hiện nộp xong số tiền án phí nêu trên cho bị cáo, để xin cứu xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[2.3] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ mới phát sinh tại cấp phúc thẩm mà gia đình bị cáo cung cấp HĐXX thấy rằng: Việc thực hiện nộp tiền án phí HSST theo quyết định của Bản án là nghĩa vụ của bị cáo. Tuy nhiên, xét việc bị cáo chậm nộp số tiền án phí là do Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh T chậm chuyển giao Bản án đã có hiệu lực pháp luật cho Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh T để chủ động ra quyết định thi hành án theo luật định và thông báo cho bị cáo nộp là cũng có một phần lỗi thuộc về trách nhiệm của Tòa án trong việc chậm chuyển giao bản án cho cơ quan có thẩm quyền, nên dẫn đến hậu quả bị cáo không được đương nhiên xóa tích theo luật định. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng mà cấp sơ thẩm áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy đây là tình tiết mới, song lần phạm này của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng hơn lần phạm tội trước. Do vậy, HĐXX xét thấy mức hình phạt 04 (bốn) năm mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, không nặng. Vì vậy, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện VKS nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Căn cứ:** Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. **Căn cứ:** Điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm g khoản 1, Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn D 04 (Bốn)** năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 25/10/2019.

3. **Về án phí:** Bị cáo Phạm Văn D phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Thanh Khê;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT Công an quận Thanh Khê;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê ;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại tạm giam CA TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Vĩnh Chuyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Tuấn

Dương Thị Hồng Minh

Phan Vĩnh Chuyển

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA TP Đà Nẵng;
- CQ THAHS – CA quận Thanh Khê;
- VKSND quận Thanh Khê;
- CQCSĐT Công an quận Thanh Khê;
- Tòa án nhân dân quận Thanh Khê ;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại tạm giam CA TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Vĩnh Chuyển